TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **258**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2021
V/v:*"Tranh chấp ly hôn."*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Linh;

2. Bà Chu Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Mai Phương - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khaivụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2021/QĐXX- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị H** - sinh năm: 1986

ĐKHKTT và trú tại: Thôn 4, xã D, huyện C, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

-*Bị đơn:*- **Ông Trần Văn Đ** - sinh năm: 1966

ĐKHKTT: 64/1 phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: P202-B11 tập thể T, phường K, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, chung sống cùng nhau từ năm 2006, nhưng chưa đăng ký hôn vì lý do gia đình. Đến ngày 28/5/2012 bà và ông Đ mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, thành phố Hà Nội. Bà kết hôn với ông Đ lần đầu; ông Đ kết hôn với bà là lần thứ hai. Sau khi kết hôn được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông Đ thường hay ghen tuông và đánh đập thô bạo, hành hạ bà cả về thể xác lẫn tinh thần khiến bà không thể chịu đựng được. Bà đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã D, huyện C, Hà Nội, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019. Nay bà nhận thấy tình cảm với ông Đ không còn, nguyện vọng của bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn ông Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung là Trần Thị Thùy L (nữ), sinh ngày 03/9/2006. Hiện tại cháu L đang sinh sống cùng ông Đ. Nếu ly hôn, bà xin được nuôi cháu L, và không yêu cầu ông Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp ông Đ muốn nuôi con, và cháu L muốn ở với bố thì bà cũng đồng ý. Bà sẽ có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Mức thu nhập trung bình của bà khoảng 10.000.000 đồng/1tháng.

-Về tài sản chung: Bà và ông Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà H không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là ông Trần Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự, và cung cấp tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không đến Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn ông Trần Văn Đ, vì xác định tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung: Bà H có nguyện vọng đề nghị được nuôi con chung là Trần Thị Thùy L và không yêu cầu ông Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, cháu Trần Thị Thùy L đề nghị xin được ở mẹ vì lý do bố không có trách nhiệm, hiện đang ở với vợ cũ; bản thân cháu L đang ở với bà nội và từ trước tới nay mẹ luôn có trách nhiệm với cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, và bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do. Theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn Đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Văn Đ. Bà H được ly hôn ông Đ. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thùy L sinh ngày 03/9/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ cho đến khi bà H có yêu cầu, hoặc có sự thay đổi khác. Ông Đ được quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn đối với ông Trần Văn Đ có nơi cư trú tại P202-B11 tập thể T, phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội (có xác nhận của Công an phường Khương Trung), căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự- đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa*: Bị đơn - ông Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn Đ chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn 25/2012 ngày 28/5/2012 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông Đ thường hay ghen tuông và đánh đập thô bạo, hành hạ bà cả về thể xác lẫn tinh thần khiến bà không thể chịu đựng được. Bà đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã D, huyện C, Hà Nội, và sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ đã được Tòa án tống đạt các thông báo theo thủ tục tố tụng dân sự nhưng không chấp hành và không có ý kiến gì, chứng tỏ ông Đ không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ vào lời trình bày của bà H, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của bà H, ông Đ đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho bà H ly hôn ông Đ theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Bà H, ông Đ có 01 con chung là Trần Thị Thùy L (nữ), sinh ngày 03/9/2006. Tại phiên tòa, bà H đề nghị xin được nuôi cháu L vì lý do cháu là con gái, đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Bản thân bà đang có công ăn việc làm, thu nhập ổn định nên có điều kiện nuôi dưỡng con. Cũng tại phiên tòa, cháu L trình bày, hiện cháu đang ở cùng bà nội, bố cháu không có công ăn việc làm, đang ở cùng với vợ cũ; bà nội là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Hiện bà đã già yếu, nên cháu đề nghị xin được ở với mẹ để thuận tiện cho việc học hành, và cần sự chăm sóc dạy dỗ của mẹ. Mặt khác, đối với ông Đ, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng đối với yêu cầu của bà H về việc bà H xin ly hôn và nuôi con, nhưng ông Đ không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, điều đó thể hiện ông Đ thiếu trách nhiệm và không chấp hành pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung của bà H, ông Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, bà H không yêu

cầu ông Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự tự nguyện này không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có, và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, và Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, và tiểu mục 1.1 mục 1 điểm I phần A Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Văn Đ.

Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Trần Văn Đ

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thùy L (nữ), sinh ngày 03/9/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ cho đến khi bà H có yêu cầu, hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung của ông Trần Văn Đ.

3. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000973 ngày 06/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội. Bà H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà H, vắng mặt ông Đ.

Bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tuấn Phúc